PHẦN III

TUỆ (*PAÑÑĀ*)

CHƯƠNG XIV: CÁC UẨN

Thích Tâm Hạnh soạn & giảng

A. TUỆ: Khái quát

i. Khái niệm ‘tuệ’
ii. Ý nghĩa của tuệ
iii. Đặc tính, nhiệm vụ, thể hiện và nhân gần của tuệ
iv. Phân loại tuệ
v. Tu tập tuệ

i) Khái niệm 'Tuệ'

- Tuệ (*paññā*) có nhiều loại và nhiều khía cạnh.
- Một câu trả lời nhằm giải thích mọi sự sẽ không hoàn tất được ý định của nó, mà cũng khó đạt đến mục tiêu, lại còn đưa đến tán loạn.
- Do đó, chúng ta sẽ chỉ giới hạn vào loại tuệ muốn đề cập ở đây là tuệ với nghĩa: ***quán trí đưa đến thiện tâm***.

ii) Ý nghĩa của tuệ

- **Tuệ (*paññā*) là hành vi hiểu biết (*pajānana*) khác với *tưởng tri* (*sañjānana*) và *thức tri* (*vijānana*).**
  - ***Tưởng tri*** **là chỉ thấy tướng của đối tượng, như màu xanh…**
  - ***Thức tri*** **là đi xa hơn, thấu hiểu những đặc tính của đối tượng.**
  - ***Tuệ tri*** **là biết không những màu sắc và đặc tính, mà còn đạt đến sự thể hiện đạo lộ.**

Khi tuệ có mặt (trong tưởng tri và thức tri) thì nó không phải tách rời tưởng tri, thức tri. Vì không thể tách rời "đây là tưởng, đây là thức, đây là tuệ", cho nên sự khác nhau giữa chúng rất tế nhị, khó nhận ra.

iii) Đặc tính, nhiệm vụ, thể hiện và nhân gần

- ***Đặc tính*:** **Thâm nhập tự tánh các pháp.**
- ***Nhiệm vụ*:** **Tiêu diệt bóng tối vô minh.**
- ***Tướng trạng*:** **Vô si.**
- ***Nhân gần*:** **Định.**

iv. Phân loại tuệ

1) **Một loại**: -Đặc tính thâm nhập tự tính các pháp.
2) **Hai loại**: -*Tuệ thế gian* và *tuệ xuất thế*.
3) -*Tuệ hữu lậu* và *tuệ vô lậu*.
4) -*Tuệ phân biệt danh* và *tuệ phân biệt sắc*.
5) -*Tuệ câu hữu hỉ* và *tuệ câu hữu xả*.
6) -*Tuệ kiến đạo* và *tuệ tu đạo*.
7) **Ba loại**: -Tư tuệ, văn tuệ, và tu tuệ.
8) -Tuệ có đối tượng hữu hạn, đại hành, và vô lượng.
9) - Tuệ 3 thiện xảo: tăng ích, tổn giảm, và phương tiện.
10) -Tuệ giải nội thân, ngoại sắc, cả nội thân lẫn ngoại sắc.
11) **Bốn loại**: -Trí về Bốn chân lý.
12) -Trí về Bốn biện tài.

v. Tu tập tuệ

a) ***Đất tuệ***: những pháp được phân loại thành **uẩn**, **xứ**, **giới**, **căn**, **đế**, **duyên khởi**…

b) ***Gốc rễ tuệ***: hai thanh tịnh đầu tiên tức giới thanh tịnh và tâm thanh tịnh.

c) ***Thân cây tuệ*** (có năm): *kiến tịnh*, *đoạn nghi tịnh*, *đạo phi đạo tri kiến tịnh*, *đạo tri kiến tịnh*, và *tri kiến tịnh*.

Do vậy, người muốn kiện toàn những điều này trước hết cần phải *tăng cường trí* của mình bằng cách học hỏi về những pháp làm ***đất*** *cho* ***tuệ*** sau khi đã viên mãn hai thanh tịnh ***gốc rễ tuệ***, rồi tu tập năm thanh tịnh ***thân cây*** của tuệ. Đấy là tóm tắt sự tu tập tuệ (sẽ được trình bày chi tiết).

B. NĂM UẨN

- Khi nói rằng ‘những pháp được xếp loại là uẩn, xứ, giới, căn, đế, duyên khởi v.v. là đất cho tuệ’, thì uẩn chính là năm uẩn: **sắc**, **thọ**, **tưởng**, **hành** và **thức**.

I. SẮC UẨN: (a) 28 pháp

- Bất cứ pháp nào có đặc tính bị quấy nhiễu (*ruppana*) bởi lạnh, nóng, v.v. đều được bao gồm trong sắc uẩn.

Sắc một loại: **đặc tính "bị quấy nhiễu".**

Sắc thuộc hai loại:

1) ***Đại chủng sắc***
2) ***Sở tạo sắc*** do chấp thủ.

1) Bốn đại chủng sắc

Đại chủng sắc gồm có bốn (địa giới, hỏa giới, thủy giới, phong giới):

	Đặc tính	Nhiệm vụ	Biểu hiện
Địa:	*Cứng*	*Làm nền tảng*	*Đón nhận.*
Thủy:	*Rỉ chảy*	*Tăng cường*	*Dính lại với nhau*.
Hỏa:	*Nóng*	*Làm cho chín*	*Cung cấp tính mền*.
Phong:	*Phồng ra*	*Chuyển động*	*Truyền tải*.

Về nhân gần, mỗi đại đều có ba đại kia làm nhân gần.

2) Sở tạo sắc

Sở tạo sắc có 24 loại:

Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, sắc, thanh, hương, vị, nữ căn, nam căn, mạng căn, tâm cơ, thân biểu, ngữ biểu, không giới, khinh khoái, nhu nhuyến, kham nhậm, sanh, trú, lão, vô thường, và đoàn thực.

(b) PHÂN LOẠI SẮC UẨN

1) ***28 sắc pháp trên đều thuộc 1 loại: pháp hữu vi***
2) ***Hai phương diện đối đãi***
3) ***Tất cả sắc đều thuộc ba loại kiến***
4) ***Ba phân loại sắc nghiệp sanh***
5) ***Ba phân loại sắc tâm sanh***
6) ***Ba phân loại sắc thực sanh***
7) ***Ba phân loại sắc thời sanh***
8) ***Sắc bốn loại (kiến, văn, giác, tri)***
9) ***Sắc sanh từ bốn pháp (nghiệp, tâm, thời, thực)***
10) ***Sắc tướng không sanh từ đâu cả.***

1) 28 sắc pháp trên đều thuộc 1 loại: Pháp hữu vi

Tất cả sắc pháp gồm 28 loại trên đều thuộc một loại là vô nhân (*not-root-cause - vô căn nhân*), phi nhân (*root-causeless*), tách rời nhân, hữu duyên, thuộc thế gian, hữu lậu, v.v.

2) Hai phương diện đối đãi

- ***Nội sắc và ngoại sắc***: *Mắt tai mũi lưỡi thân* gọi là nội sắc, những gì còn lại là ngoại sắc vì ở ngoài con người.
- ***Thô và tế***: Chín thứ gồm năm thứ trên, cộng thêm *sắc thanh hương vị* và *địa hỏa phong*, thành 12 thứ, được xem là sắc thô vì có sự tiếp xúc; còn lại là tế vì ngược lại.
- ***Xa và gần***: Cái gì tế gọi là *viễn sắc* vì khó vào sâu, thô là *cận sắc* vì dễ vào.
- ***Sở tạo và phi sở tạo***: Mười tám thứ gồm bốn đại và 13 thứ khởi từ mắt, và đoàn thực, gọi là *sở tạo* vì chúng được nhận biết nhờ tự tánh của chúng; còn ngược lại là *phi sở tạo*.
- ***Tịnh sắc và phi tịnh sắc***: Năm loại khởi từ mắt gọi là tịnh sắc vì chúng là điều kiện để nhận biết các pháp sắc… vì chúng sáng như mặt gương. Còn lại là *phi tịnh sắc* vì ngược với *tịnh sắc*.
- ***Căn sắc và phi căn sắc***: Tịnh sắc tự nó và ba thứ *nam căn*, *nữ căn* và *mạng căn* gọi là *căn sắc*, còn lại là *phi căn sắc* vì ngược lại với *căn sắc*.
- ***Hữu chấp thủ và phi hữu chấp thủ:*** Những thứ thuộc nghiệp sanh gọi là *hữu chấp thủ*, còn lại là *phi hữu chấp thủ*.

3) Tất cả sắc đều thuộc ba loại kiến

Tất cả sắc đều thuộc ba loại theo bộ ba thuộc ***kiến***:

a) Về sắc thô, một vật có thể thấy được gọi là sắc ***hữu kiến hữu đối***.

b) Còn lại là ***vô kiến hữu đối***.

c) Tất cả tế sắc là ***vô kiến vô đối***.

4) Ba phân loại sắc nghiệp sanh

Theo bộ ba nghiệp thì:

a) Sắc do nghiệp sinh gọi là ***nghiệp sanh***,

b) Do duyên nào khác gọi là ***phi nghiệp sanh***,

c) Không do cái gì sanh cả gọi là ***phi nghiệp sanh phi phi nghiệp sanh***.

5) Ba phân loại sắc tâm sanh

a) Sắc do tâm sinh gọi là ***tâm sanh***,

b) Do duyên ngoài tâm gọi là ***phi tâm sanh***,

c) Không do cái gì trong tâm ngoài tâm gọi là ***phi tâm sanh phi phi tâm sanh***.

6) Ba phân loại sắc thực sanh

a) Sắc do đồ ăn sanh gọi là ***thực sanh***,
b) Ngoài đồ ăn là ***phi thực sanh***,
c) Không thuộc hai loại này gọi là ***phi thực phi phi thực sanh***.

7) Ba phân loại sắc thời sanh

a) Sắc do thời tiết sanh gọi là ***thời sanh***,

b) Ngoài thời tiết là ***phi thời sanh***,

c) Loại thứ ba là ***phi thời sanh phi phi thời sanh***.

8) Sắc bốn loại

a) ***Kiến, văn, giác, tri***: Sắc xứ được thấy vì là đối tượng của sự thấy (*kiến*). Thanh xứ được nghe vì là đối tượng của nghe (*văn*); hương vị xúc xứ được biết (*giác*) vì là đối tượng cảm giác. Còn lại là được nhận thức (*tri*) vì là đối tượng của tâm mà thôi.

b) ***Sắc sắc, hạn giới sắc, biến hóa sắc, tự tánh sắc***: Sở tạo sắc gọi là sắc sắc; không giới là *hạn giới sắc*; sắc từ thân biểu cho đến kham nhậm gọi là *biến hóa sắc*; sanh già chết là *tự tánh sắc*.

c) ***Căn sắc, môn sắc, căn môn sắc, phi căn phi môn sắc***: Cái được gọi là sắc của nhục đoàn tâm là *căn sắc phi môn*; hai biểu sắc là *môn phi căn*; tịnh sắc *là cả căn và môn*; còn lại là *phi căn phi môn*.

9) Sắc sanh thuộc năm loại

i. ***Sanh từ 1 pháp***: chỉ do nghiệp sanh hay chỉ do tâm sanh. Trong đó, sắc của các căn, cùng tâm cơ, là chỉ do nghiệp sanh. Hai biểu sắc này chỉ do tâm sanh.

ii. ***Sanh từ hai pháp***: Cái gì khi do thời tiết sanh, khi do tâm sanh, gọi là sanh từ hai pháp. Đây chỉ cho thanh xứ.

iii. ***Sanh từ 3 pháp***: Sắc sanh từ thời tiết, tâm và thức ăn, gọi là sanh từ ba pháp: gồm ba thứ bắt đầu bằng khinh khoái.

iv. ***Sanh từ bốn pháp*** (nghiệp, tâm, thời, thực) gọi là sanh từ bốn pháp, chỉ cho tất cả loại sắc còn lại ngoại trừ tướng sắc.

v. ***Không sanh từ pháp nào***: Riêng tướng sắc được gọi là không do gì sanh. Tại sao? Vì không có sự sinh khởi của sinh, còn già và chết chỉ là sự chín mùi và tan rã của cái đã sanh.

II. THỨC UẨN: Khái quát

Định nghĩa: Bất cứ gì có đặc tính ***biết*** đều gọi là ***thức uẩn***. Cái gì có đặc tính nhận biết? Chính là tâm thức. Những danh từ ***thức, tâm*** và ***ý*** đều có cùng một nghĩa.

a. 89 loại tâm:

1) 21 loại thiện tâm
2) 12 loại bất thiện tâm
3) 36 tâm dị thục
4) 20 tâm duy tác.

b. Mười bốn hình thái khởi tâm:

1) 19 tâm kiết sanh dị thục sanh khởi
2) 19 loại tâm hữu phần
3) 2 loại tâm duy tác
4) 10 dị thục tâm *thấy*, 5) *Nghe*, 6) *Ngửi*, 7) *Nếm*, 8) *Sờ*
9) 2 dị thục tâm tiếp thọ
10) 3 dị thục tâm suy đạt
11) 1 dị thục tâm xác định
12) 55 tốc hành tâm
13) 11 loại dị thục đồng sở duyên tâm
14) 19 loại dị thục tử tâm.

a) 89 loại tâm thuộc Dục, Sắc, Vô sắc, Siêu thế

1) **21 loại thiện tâm:**
   i. *Tám thiện tâm dục giới*
   ii. *Năm thiện tâm sắc giới*
   iii. *Bốn thiện tâm vô sắc giới*
   iv. *Bốn tâm siêu thế*
2) **12 loại tâm bất thiện**
   i. *Tám tâm bất thiện do tham*
   ii. *Hai tâm bất thiện do sân*
   iii. *Hai tâm bất thiện do si*
3) **36 tâm dị thục**
   i. *23 tâm dị thục dục giới*
   ii. *Năm loại tâm sắc giới*
   iii. *Bốn loại tâm vô sắc giới*
   iv. *Bốn loại tâm dị thục siêu thế*
4) **20 tâm duy tác**
   i. *Ba tâm duy tác vô nhân thuộc dục giới*
   ii. *Tám loại tâm duy tác hữu nhân thuộc dục giới*
   iii. *Năm tâm duy tác thuộc sắc giới*
   iv. *Bốn tâm duy tác vô sắc giới*

a1. 21 thiện tâm: (i) 8 dục giới

Tám tâm dục giới, được xếp loại theo ***hỉ***, ***xả***, ***trí***, và ***nhắc bảo***, tức là:

1) Tâm câu hữu với hỉ, tương ưng với trí, không cần nhắc bảo
2) câu hữu hỉ, tương ưng với trí, cần nhắc bảo
3) câu hữu hỉ, không tương ưng trí, không cần nhắc bảo
4) câu hữu hỉ, không tương ưng trí, cần nhắc bảo
5) câu hữu xả, tương ưng trí, cần nhắc bảo,
6) câu hữu xả, tương ưng trí, không cần nhắc bảo,
7) câu hữu xả, không tương ưng trí, cần nhắc bảo,
8) câu hữu xả, không tương ưng trí, không cần nhắc bảo.

a1. 21 thiện tâm: (ii) 5 sắc giới

Tâm sắc giới có năm, xếp loại theo thiền chi. Đó là:

9) tương ưng với cả năm thiền chi (tâm sơ thiền)
10) tương ưng tứ, hỉ, lạc, nhất tâm.
11) tương ưng hỉ, lạc, nhất tâm.
12) tương ưng lạc, nhất tâm.
13) tương ưng xả và nhất tâm, vì lạc đã lắng xuống.

a1. 21 thiện tâm: (iii) 4 vô sắc giới

Tâm vô sắc giới có bốn, tương ưng bốn vô sắc là:

14) Tâm tương ưng với Không vô biên xứ
15) Tâm tương ưng Thức vô biên,
16) Tâm tương ưng Vô sở hữu xứ,
17) Tâm tương ưng Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

a1. 21 thiện tâm: (iv) 4 siêu thế

Tâm siêu thế có bốn, là:

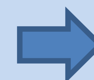
18) Tâm tương với Dự lưu đạo
19) Tâm tương ưng với Nhất lại đạo
20) Tâm tương ưng với Bất lại đạo
21) Tâm tương ưng với A-la-hán đạo.

Vậy, thiện tâm có 21 loại.

a2. 12 bất thiện tâm: (i) 8 do tham

Tâm bất thiện **do tham** có 8 loại, theo ***hỉ***, ***xả***, ***tà kiến*** và ***nhắc bảo***:

22) câu hữu hỉ, tương ưng tà kiến, không cần nhắc bảo
23) câu hữu hỉ, tương ưng tà kiến, cần nhắc bảo
24) câu hữu hỉ, không tương ưng tà kiến, không cần nhắc bảo
25) câu hữu hỉ, không tương ưng tà kiến, cần nhắc bảo
26) câu hữu xả, tương ưng tà kiến, không cần nhắc bảo
27) câu hữu xả, tương ưng tà kiến, cần nhắc bảo
28) câu hữu xả, không tương ưng tà kiến, không cần nhắc bảo
29) câu hữu xả, không tương ưng tà kiến, cần nhắc bảo.



a2. 12 bất thiện tâm: (ii) 2 do sân

Tâm có nhân sân thuộc hai loại:

30) câu hữu với ưu, tương ưng với hận, cần nhắc bảo.

31) câu hữu với ưu, tương ưng với hận, không cần nhắc bảo.

Đó là loại tâm khởi lên khi giết chúng sinh,v.v. với tâm nhanh nhẹn (không cần nhắc bảo) hoặc uể oải (cần nhắc bảo).

a2. 12 bất thiện tâm: (iii) 2 do si

Tâm có nhân si thuộc hai loại:

32) câu hữu với xả, tương ưng với nghi,

33) câu hữu với xả, tương ưng với trạo cử.

Đó là loại tâm khởi lên vào những lúc không quyết định (nghi) hoặc lúc bị chia trí (tán loạn).

Như vậy, bất thiện tâm gồm 12 loại như trên.

a3. 36 tâm dị thục: (i) 23 tâm dục giới

***8 tâm thiện dị thục vô nhân**:* Thiện dị thục vô nhân là tâm không có vô tham, v.v. làm nhân cho quả dị thục. Có tám loại là (34)-(38) nhãn thức, nhĩ, tỉ, thiệt, thân thức, (39) ý giới với nhiệm vụ tiếp thọ, (40)-(41) hai ý thức giới với nhiệm vụ suy đạt, v.v.

***8 tâm thiện dị thục hữu nhân**:* Thiện dị thục hữu nhân, từ (42) đến (49), là những tâm tương ưng vô tham, vô sân, vô si, làm nhân cho quả dị thục, được xếp theo hỉ, xả, trí và nhắc bảo, y như thiện tâm dục giới (1) đến (8).

***7 tâm bất thiện dị thục vô nhân**:* Bất thiện dị thục chỉ có vô nhân mà thôi, gồm bảy loại: (50) nhãn thức, (51)-(54) nhĩ, tỉ, thiệt thân thức, (55) ý giới với nhiệm vụ tiếp thọ, (56) ý thức giới với nhiệm vụ suy đạt, v.v. và có năm vị trí. Về đặc tính, v.v. tương tự thiện dị thục vô nhân (34-41).

a3. 36 tâm dị thục: (ii) 5 tâm sắc giới

Tâm sắc giới thuộc năm loại, từ (57) đến (61), giống như tâm thiền (9-13), nhưng thiền phát khởi ở một lộ trình tâm với những tốc hành tâm kể như sự chứng thiền.

Trong khi đó, tâm này khởi lên ở một hiện hữu trong sắc giới kể như ***kiết sanh***, ***hữu phần*** và ***tử tâm***.

a3. 36 tâm dị thục: (iii) 4 tâm vô sắc giới

Cũng như tâm sắc giới (như thiện tâm thuộc giới ấy), ***tâm vô sắc giới*** cũng có bốn (62)-(65):

(62) Không vô biên xứ

(63) Thức vô biên xứ

(64) Vô sở hữu xứ

(65) Phi tưởng phi tưởng xứ (như 14-17).

Sự sanh khởi của nó cũng được xếp loại như đã nói về tâm sắc giới.

a3. 36 tâm dị thục: (iv) 4 tâm dị thục siêu thế

Tâm dị thục siêu thế có bốn (66)-(69), đó là quả của những tâm tương ưng bốn đạo lộ, như (18)-(21).

Nó sanh khởi theo hai cách, kể như quả trong tâm lộ trình thuộc đạo, và kể như sự chứng quả.

Như vậy, tâm dị thục trong cả bốn phạm vi gồm có 36 loại.

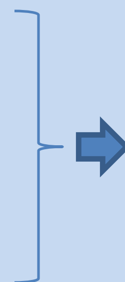
a4. 20 tâm duy tác: (i) 3 vô nhân thuộc dục giới

Duy tác tâm thuộc ba loại theo cõi: dục, sắc giới, vô sắc. Dục giới gồm hai loại: vô nhân và hữu nhân. Vô nhân là tâm không có vô tham, v.v. làm nhân cho quả dị thục, có hai loại là ***ý giới*** (70) và ***ý thức giới*** (71-72).

(70) ***Ý giới*** có đặc tính làm tiền đạo cho nhãn thức, v.v. và nhận biết các đối tượng sắc, thanh v.v. Nhiệm vụ nó là hướng tâm đến sắc pháp, v.v. Nó được biểu hiện là sự chạm xúc với các đối tượng ấy. Nhân gần của nó là sự gián đoạn dòng hữu phần tương tục. Nó chỉ tương ưng với xả.

(71) ***Ý thức giới chung*** là ***ý thức giới duy tác vô nhân*** câu hữu với xả.

(72) ***Ý thức giới không chung*** là ***ý thức giới duy tác vô nhân*** câu hữu với hỉ.



a4. 20 tâm duy tác: (ii) 8 tâm hữu nhân dục giới

Tâm duy tác hữu nhân ở dục giới có tám loại:

- (73)-(80) giống như thiện tâm dục giới (1-8) được xếp theo câu hữu với hỉ, v.v. nhưng trong khi thiện tâm chỉ khởi lên ở bậc phàm phu hữu học, thì ***tâm duy tác hữu nhân*** chỉ khởi lên nơi vị A-la-hán. Đó là sự khác biệt.
- Như vậy ***tâm duy tác dục giới*** có 11 loại.

a4. 20 tâm duy tác: (iii-iv) 5 sắc giới & 4 vô sắc giới

- ***5 tâm duy tác thuộc sắc giới:*** Tâm duy tác sắc giới có năm loại (81)-(85).
- ***4 tâm duy tác vô sắc giới:*** Vô sắc giới có bốn (86)-(89), cả hai loại đều giống thiền tâm sắc giới và vô sắc, nhưng tâm duy tác thì chỉ khởi lên nơi vị A-la-hán.

Tóm lại, tâm duy tác ở cả ba cõi gồm 20 loại.

*

*110. Như thế, 21 loại thiện tâm, 12 bất thiện, 36 dị thục và 20 duy tác cộng thành 89 loại tâm. Tất cả tâm này sanh khởi theo 14 kiểu là: **kiết sanh, hữu phần, tác ý** (hướng tâm), **thấy, nghe, ngửi, nếm, sờ, tiếp thọ, suy đạt, xác định, tốc hành, đồng sở duyên**, và **tử tâm**.*

b. Mười bốn hình thái khởi tâm

1) 19 tâm kiết sanh dị thục sanh khởi
2) 19 loại tâm hữu phần
3) 2 loại tâm duy tác
4) 10 tâm dị thục *thấy*, 5) *Nghe*, 6) *Ngửi*, 7) *Nếm*, 8) *Sờ*
9) 2 dị thục tâm tiếp thọ
10) 3 dị thục tâm suy đạt
11) 1 dị thục tâm xác định
12) 55 tốc hành tâm
13) 11 loại dị thục đồng sở duyên tâm
14) 19 loại dị thục tử tâm.

❖ Trên đây là giải thích chi tiết về thức uẩn.

III. THỌ UẨN: Khái quát

Định nghĩa:

Ở trên có nói: “Bất cứ gì có đặc tính được cảm thấy, cần được hiểu là thọ uẩn” (đ. 81).

Đây cũng vậy, cái gì có đặc tính được cảm giác, chính là cảm giác, như kinh dạy, “Này chư hiền, vì nó được cảm nhận, nên gọi nó là thọ” (M. i, 293).

a. Ba thọ

Mặc dù nó chỉ có một, xét theo ***tự tính*** của nó là "đặc tính được ***cảm nhận***", thọ vẫn có ba loại là thiện, bất thiện và bất định.

Ở đây, khi tương ưng với thiện tâm được kể trong Đoạn 83: "Tâm dục giới có 8 (1-8), được xếp theo *hỉ*, *trí* và *sự nhắc bảo*", thì nó là ***thiện***, thọ tương ưng với bất thiện tâm là ***bất thiện***, và thọ tương ưng với tâm bất định là ***bất định***.

b. Năm thọ

Thọ có năm loại theo tự tánh là: ***thân lạc***, ***thân khổ***, ***tâm hỉ***, ***tâm ưu*** và ***xả***.

1) **Lạc** tương ưng với thiện dị thục thân thức (38).
2) **Khổ** tương ưng với bất thiện dị thục thân thức (54).
3) **Hỉ** tương ưng với 62 loại tâm:

   Dục giới: 4 *thiện tâm* (1-4), 4 *dị thục hữu nhân* (42-45), 1 *dị thục vô nhân* (40), 4 *duy tác hữu nhân* (73-76), 1 *duy tác vô nhân* (72), và 4 *bất thiện* (22-25).

   Sắc giới: 4 *thiện tâm* (9-12), 4 *dị thục* (57-60), và 4 *duy tác* (81-84), để ra ngoài tâm của thiền thứ năm trong mỗi trường hợp.

   Siêu thế: Nhưng không có tâm siêu thế nếu không có thiền, do đó 8 loại tâm siêu thế (18-21 và 66-69) nhân cho năm thiền thành ra 40; bỏ ra ngoài 8 tương ưng với thiền thứ năm, thì **hỉ** tương ưng với 32 loại thiện dị thục còn lại (*remaining*).

4) **Ưu** tương ưng với hai loại bất thiện tâm (30-31).
5) **Xả** tương ưng với 55 loại tâm còn lại.

c. Tính chất của 5 thọ

Lạc: *Đặc tính*: cảm nhận một ***xúc pháp khả ý***. *Nhiệm vụ*: **tăng cường** những tâm sở tương ưng. *Biểu hiện*: sự ***vui sướng của thân***. *Nhân gần*: ***thân căn***.

Khổ: *Đặc tính*: cảm thọ một ***xúc pháp không đáng ưa***. *Nhiệm vụ*: ***làm héo tàn*** những trạng thái tương ưng. *Biểu hiện*: sự ***đau đớn của thân***. *Nhân gần*: ***thân căn***.

Hỉ: *Đặc tính*: cảm thọ một ***đối tượng khả ý***. *Nhiệm vụ*: ***khai thác*** những khía cạnh đáng ưa. *Biểu hiện*: sự ***vui mừng trong tâm***. *Nhân gần*: ***khinh an***.

Ưu: *Đặc tính*: cảm thọ một ***đối tượng không đáng ưa***. *Nhiệm vụ*: ***khai thác*** những khía cạnh đáng ghét. *Biểu hiện*: sự ***đau khổ về tâm***. *Nhân gần*: ***tâm cơ*** (*heart-basis*).

Xả: *Đặc tính*: cảm thọ ***không vui không khổ***. *Nhiệm vụ*: ***không tăng cường cũng không giảm bớt*** những trạng thái tương ưng. *Biểu hiện*: sự ***an tĩnh***. *Nhân gần*: ***tâm không có hỉ***.

c. Tính chất của 5 thọ

	Đặc tính	Nhiệm vụ	Biểu hiện	Nhân gần
Lạc:	Cảm nhận một ***xúc pháp khả ý***	***Tăng cường*** những tâm sở tương ưng	Sự ***vui sướng của thân***	***Thân căn***.
Khổ	Cảm thọ một ***xúc pháp bất khả ý***	***Làm héo tàn*** những trạng thái tương ưng	Sự ***đau đớn của thân***	***Thân căn***.
Hỉ	Cảm thọ một ***đối tượng khả ý***	***Khai thác*** những khía cạnh đáng ưa	Sự ***vui mừng trong tâm***	***Khinh an***.
Ưu	Cảm thọ một ***đối tượng không đáng ưa***	***Khai thác*** những khía cạnh đáng ghét	Sự ***đau khổ về tâm***	***Tâm cơ*** (*heart-basis*).
Xả	Cảm thọ ***không vui không khổ***	***Không tăng cường hay giảm bớt*** những trạng thái tương ưng	Sự ***an tĩnh***	***Tâm không có hỉ***.

IV. TƯỞNG UẨN

- Trên đây đã nói: “Bất cứ gì có đặc tính nhận thức (*perceiving*), nói chung, cần hiểu là tưởng uẩn” (đoạn 81).
- Mặc dù đặc tánh chỉ có một, xét theo tự tánh, là nhận thức, ***tưởng*** (*perception*) gồm ba loại là thiện, bất thiện và bất định. Cái gì tương ưng với thiện tâm gọi là thiện, tương ưng với bất thiện tâm là bất thiện. Vì không có tâm tách rời với tưởng, nên tưởng có cùng một cách phân loại như ***thức***, nghĩa là gồm 89 loại.
- Nhưng mặc dù được phân thành 89 loại như ***thức***, song về *đặc tính*, v.v. tưởng chỉ có một, là ***nhận biết***. *Nhiệm vụ* là ***làm một dấu hiệu*** trở thành điều kiện để lần sau có thể nhận ra “đây là một thứ như trước”. *Biểu hiện* nó là ***hành động giải thích*** nhờ phương tiện các tướng đã nhận được, như người mù “thấy” một con voi. *Nhân gần* là một ***đối tượng khách quan*** xuất hiện bất cứ cách nào, như tưởng khởi lên nơi một con diều hâu khi trông thấy người nộm.

V. HÀNH UẨN

- Ở một đoạn trước đã nói: “Bất cứ gì có đặc tính ***tạo tác***, nói chung gọi là ***hành uẩn***” (*đ. 81*). Cái gì có đặc tính tạo tác? Chính là cái có đặc tính ***tích tụ***. Cái gì có đặc tính tích tụ? Chính là **các hành**, như kinh dạy: “Này các tỷ-kheo, vì chúng tạo tác ra các pháp hữu vi, nên chúng được gọi là các hành” (*S. iii, 87*).
- Đặc tính của các hành là ***tạo tác***. Nhiệm vụ là ***tích tụ***. Biểu hiện là ***sự can dự vào***. Nhân gần là ***ba uẩn vô sắc*** kia (thọ, tưởng, thức).
- Vậy, theo đặc tính, các hành là một, nhưng theo loại thì có ba: ***thiện***, ***bất thiện*** và ***bất định***. Khi tương ưng với thiện tâm thì hành ấy là thiện, tương ưng bất thiện tâm là bất thiện và khi tương ưng với tâm bất định thì hành là bất định.

1. Thiện tâm dục giới có 36 hành

Tương ưng với thiện tâm dục giới có 36 hành (27 biến hành tâm sở, 4 bất định và 5 không thường):

27 tâm sở biến hành: xúc, tư, tầm, tứ, hỉ, tinh tấn, mạng căn, định, tín, niệm, tàm, quí, vô tham, vô sân, vô si, tâm sở thư thái, tâm thư thái, tâm sở khinh an, tâm khinh an, tâm sở nhu nhuyến, tâm nhu nhuyến, tâm sở kham nhậm, tâm kham nhậm, tâm sở tinh luyện, tâm tinh luyện, tâm sở chánh trực, tâm chánh trực.

4 bất định: dục (*chanda*), thắng giải (*adhimokkha*), tác ý (*manikāra*), trung tánh.

5 tâm sở không thường (*inconstant*): bi (*karuṇā*), tùy hỷ (*muditā*), vô thân ác hành, vô ngữ ác hành, vô tà mạng. 5 tâm sở này thỉnh thoảng khởi lên (không phải luôn luôn), và không khởi cùng lúc.

2. Thiện tâm dục giới có 36 hành